

TƯƠNG QUAN LỰC LƯỢNG HÀ LAN VÀ ANH QUA CÁC CUỘC CHIẾN TRANH NỬA SAU THẾ KỶ XVII

Ths. Trần Ngọc Dũng

Khoa Lịch sử, Đại học Sư phạm Hà Nội

I. Đặt vấn đề

Anh và Hà Lan là hai quốc gia tiên phong trong việc tiến hành cách mạng tư sản, xây dựng chế độ mới - tư bản chủ nghĩa; đồng thời cũng là một trong những nước đạt được nhiều thành công nhất với “*chủ nghĩa trọng thương*”, trở thành đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ trong việc mở rộng thị trường thương mại, xâm chiếm thuộc địa với Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha - hai quốc gia tiên phong trong phát kiến địa lý. Tuy nhiên, sau khi đã đủ sức đánh bật hai quốc gia vùng Iberia, Hà Lan và Anh lại trở thành đối thủ cạnh tranh trực tiếp trong việc xác lập vị thế cường quốc thương mại hàng hải. Mâu thuẫn đó đã nhen nhóm từ thế kỷ XVI, bùng lên ở những khu vực như Đông Nam Á, Tân Thế giới, nhưng chưa diễn ra ở châu Âu do chính phủ Anh cảm thấy thiếu các điều kiện chống lại Hà Lan cũng như thương nhân Anh vẫn chưa đến mức “*không thể chịu đựng*” được sự cạnh tranh của thương nhân Hà Lan. Chính vì thế, mâu thuẫn giữa hai nước chỉ bùng nổ thành chiến tranh khi đã xuất hiện những điều kiện cần thiết. Vậy, ngoài các vấn đề về quan hệ quốc tế, sự thay đổi trong hệ thống thương mại thế giới hay vị trí địa - chính trị của hai nước, tiềm lực của Hà Lan

và Anh đã ảnh hưởng đến cuộc chiến tranh giữa hai nước nửa sau thế kỷ XVII như thế nào? Thông qua bài viết này, tác giả mong muốn đưa ra một vài ý kiến làm rõ những thuận lợi và khó khăn bên trong cũng như so sánh những điều kiện trước và trong cuộc chiến tranh Hà Lan – Anh để làm rõ hơn tương quan lực lượng hai nước ở nửa sau thế kỷ XVII.

II. Nội dung nghiên cứu

1. Đặc điểm kinh tế của Hà Lan và Anh

Có thể nói, trong bất cứ một cuộc chiến tranh nào, nội lực quốc gia luôn là yếu tố tiên quyết nhất, quyết định đến thành bại của mỗi

Chiến tranh Anh-Hà Lan nửa sau thế kỷ XVII xảy ra ba lần: Cuộc chiến tranh lần thứ nhất 1652-1654 nổ ra ngay sau khi Anh thông qua Đạo luật Hộ tống và Đạo luật Hàng hải (1651), kết thúc với thắng lợi của Anh thông qua Hòa ước Westminster; Cuộc chiến tranh lần hai (1665-1667) diễn ra với ba trận hải chiến chính. Mặc dù Hà Lan đã có những thay đổi và tiến bộ lớn về lực lượng hải quân nhưng vẫn nhận thất bại cuối cùng với Hiệp ước Breda và mất New Amsterdam vào tay Anh; Cuộc chiến lần ba (1672-1674) chịu nhiều tác động bên ngoài. Tuy Anh gặp khó khăn lớn về tài chính, nhưng Hà Lan vẫn phải chấp nhận kí Hòa ước Westminster, nhượng cho Anh nhiều quyền lợi.

bên. Trong đó, suy cho cùng, nguồn lực kinh tế luôn là mấu chốt vấn đề, là chìa khóa giải quyết mọi khúc mắc liên quan đến sức mạnh quốc gia. Trong giai đoạn đầu thế kỷ XVII, chỉ có Anh và Hà Lan là hai quốc gia tư bản, lại cùng quan điểm “trọng thương” trong chính sách kinh tế nên không thể phủ nhận những nét chung mà cả hai đều có. Thương mại đi kèm với sự cướp bóc thuộc địa chính là cơ sở cho cả Hà Lan và Anh trong quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản, tạo ra những nền tảng căn bản nhất cho sự phát triển của giới tư sản trong nước. Vai trò của thương mại tại những khu vực ngoài châu Âu đã được nhà lý luận kinh tế Thomas Mun¹ nêu ra một cách công khai: “*Ngoại thương là sự giàu có của quốc vương, là danh dự của vương quốc, là sứ mệnh cao quý của thương nhân, là sự tồn tại của chúng ta (Anh – T.N.D chủ thích),..., là động lực chiến tranh của chúng ta, là sự khùng khiếp của kẻ thù của chúng ta*”². Ý thức được vai trò quan trọng của ngoại thương, cả Hà Lan và Anh đều có những chính sách tích cực, khuyến khích sự phát triển của hoạt động này. Chính vì lẽ đó, cùng với sự suy yếu của các đối thủ cạnh tranh từ châu Âu lục địa, Hà

Lan và Anh đã phải đối đầu với nhau để tranh đoạt ảnh hưởng trong hệ thống thương mại thế giới. Hai nước đều khát khao chinh phục thế giới, không chế những tuyến đường, khu vực thương mại quan trọng và đặc biệt hơn khi cả hai nước đều cùng có chung chế độ chính trị tư bản chủ nghĩa thì sự cạnh tranh lại càng sâu sắc và gay gắt. Vậy, với những nét chung đó, quốc gia nào có tiềm lực mạnh hơn sẽ thắng lợi trong cuộc đối đầu giành vị thế bá chủ thương mại hàng hải thế giới.

Hà Lan là quốc gia gặt hái thành công sớm hơn với những lợi thế về vị trí địa lý, sự bảo trợ cũng như thị trường rộng lớn có được từ thời kì lệ thuộc vào Tây Ban Nha và nhanh chóng trở thành một cường quốc thương mại ở cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII, được coi là “*tượng trưng của chủ nghĩa tư bản tài chính và thương mại*”³. Sức mạnh của Hà Lan được khẳng định bằng sự vượt trội của hệ thống thương thuyền so với các quốc gia khác cũng như sự giàu có mà nó đạt được và tầm ảnh hưởng rộng lớn đến mức “*bá quyền*” ở nhiều khu vực thương mại trọng yếu trên thế giới⁴. Sức mạnh đó đã lần

¹ Thomas Mun (1571-1641) là một nhà lý luận kinh tế nổi tiếng của Anh đầu thế kỷ XVII với quan điểm về chủ nghĩa trọng thương cổ điển. Vốn xuất thân là một nhà buôn trong công ty Đông Ấn nên ông hiểu rất rõ vai trò, sức mạnh của thương mại. Chính vì thế, ông đã đưa ra nhiều quan điểm về căn bản thương mại, về hoạt động ngoại thương. Quan điểm đó trở thành cơ sở lý luận và có ảnh hưởng mạnh mẽ đến kinh tế Anh trong giai đoạn trước khi tiến hành cách mạng công nghiệp.

² Michel Beaud, 2002, *Lịch sử chủ nghĩa tư bản từ trang 1500 đến 2000*, NXB Thế giới, Hà Nội, tr. 62;

³ Michel Beaud, sđd, tr. 60;

⁴ Đầu thế kỷ XVII, Hà Lan có khoảng hơn 1.000 thuyền buôn và 80.000 thủy thủ hoạt động trong ngành ngoại thương, nhiều hơn hẳn tổng số tàu của các nước châu Âu cộng lại. Dẫn theo Phan Ngọc Liên (cb), 1999, *Hà Lan-đất nước-con người-lịch sử*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, tr. 129; Giữa thế kỷ XVII, Hà Lan đạt lợi nhuận là 18/45 triệu liver vàng của nền thương mại châu Âu, chiếm 45% trọng tài hàng hóa của châu Âu; Dẫn theo Lại Bích Ngọc, 2003, *Công hòa Hà Lan-một thời hoàng kim trên thị trường thế giới*, NXB Giáo dục, tr. 96; Hà Lan kế thừa được thị trường Cận đông của thương nhân Italia, các thuộc địa của Bồ Đào Nha hay thị trường của Thương đoàn thời

át toàn bộ hoạt động của các thương nhân châu Âu, khiến người Anh - kẻ cạnh tranh trực tiếp - phải thốt lên rằng: "*Kinh tế của Hà Lan đã làm tổn thương lớn đến thanh danh và ngoại thương của chúng ta*"⁵. Thời hoàng kim của Hà Lan từ cuối thế kỷ XVI chính là tiền đề kinh tế quan trọng giúp quốc gia này chuẩn bị đầy đủ về mặt vật chất cho cuộc chiến giành vị thế cường quốc với Anh nửa sau thế kỷ XVII.

Dẫu vậy, sự giàu có của Hà Lan không mang tính chất phổ quát, không trở thành động lực, cơ sở thúc đẩy nền sản xuất trong nước phát triển. Chính sách coi trọng ngoại thương cộng với việc thiếu thốn về nhân công, nguyên liệu cũng như hạn chế về lãnh thổ đã khiến chính phủ Hà Lan gần như lãng quên chính sách phát triển công nghiệp. Những ngành như dệt dạ, dệt len, nhuộm, đóng thuyền,... đã xuất hiện từ khá sớm nhưng Hà Lan không thể hình thành những trung tâm công nghiệp quy mô lớn vì hình thức tổ chức sản xuất chủ yếu vẫn là các công trường thủ công phân tán, mang đậm yếu tố gia đình với những hạn chế về kỹ thuật, tính chất sản xuất manh mún. Hơn nữa, một số ngành tuy phát triển nhưng lại dựa vào nguồn nguyên liệu bên ngoài nên không đảm bảo được tính ổn định. Kinh tế Hà Lan hưng thịnh thực chất nhờ vào ba trụ cột là: Công ty Đông Ấn (VOC), Ngân hàng Amsterdam và hạm đội hùng mạnh⁶. Điều đó

tạo ra sự phát triển bùng nổ nhưng không bền vững khi thiếu trụ cột quan trọng là nền sản xuất trong nước. Chỉ cần một trong ba yếu tố này mất đi sức mạnh thì lập tức kéo cả nền kinh tế đi xuống. Điều đó cũng dẫn đến việc Hà Lan sẽ không có được sự chuẩn bị đầy đủ, cần thiết những nguồn lực nội tại trong quá trình chiến tranh và sẽ gặp khó khăn lớn nếu xung đột kéo dài. Thực tế chiến tranh đã chứng minh rất rõ điều đó. Khi hạm đội Hà Lan bị tấn công, những thương cảng bị bao vây, phong tỏa thì lập tức thương nhân Hà Lan không thể tiến hành các hoạt động thương mại, nguồn sống của những thành phố cảng bị cắt đứt, nền kinh tế điều đứng. Sự bất ổn cả về kinh tế, chính trị, xã hội lập tức xuất hiện với mâu thuẫn giữa chính những tỉnh khác nhau trong Liên minh.

Nếu như Hà Lan coi trọng yếu tố tự do thương mại (với sức mạnh vượt trội của đội thương thuyền được đảm bảo và bảo vệ bởi hạm đội Tây Ban Nha) thì Anh lại thực thi chính sách bảo trợ thương nghiệp, công nghiệp và hàng hải trong quá trình thực hiện "*chủ nghĩa trọng thương*"⁷. Điều đó cũng dẫn đến những khác biệt khá quan trọng trong hướng phát triển kinh tế của hai nước: Hà Lan tập trung vào việc chuyên chở hàng hóa và buôn bán giữa các khu vực để hưởng chênh lệch, còn Anh đã ý thức rõ ràng trong việc tập trung tư bản để nâng cao năng lực sản xuất trong nước, xây dựng nền kinh tế tư bản toàn diện. Sự xâm nhập của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa vào Anh tuy muộn hơn

trung đại. Dẫn theo F Ia Polianxki, 1978, *Lịch sử kinh tế của các nước ngoài Liên Xô*, tập 2, NXB KHXH, tr. 86;

⁵ Alfred Thayer Mahan, 1889, *The influence of sea power upon history. 1660-1783*, Little, Brown and company, Boston, p. 64;

⁶ Michel Beaud, sdd, tr. 56-57;

⁷ F Ia Polianxki, I D Udanxop, Trần Việt Tú (d), 1964, *Lịch sử tư tưởng kinh tế*, tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, tr. 57;

Hà Lan nhưng lại toàn diện, sâu sắc và có sức công phá mạnh mẽ đến mọi thành phần kinh tế. Điển hình nhất cho xu hướng này là sự xâm nhập của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa vào nông nghiệp từ giữa thế kỷ XVI, dẫn đến sự thay đổi nhanh chóng về cách thức sản xuất, phương pháp bóc lột và cơ cấu xã hội ở Anh mà thường được biết dưới tên gọi "*Phong trào rào đất cướp ruộng*". Nông nghiệp Anh cuốn vào guồng quay thương mại một cách tự nhiên, nhanh chóng, hữu ích và trở thành một trong những yếu tố căn bản tích lũy nguyên thủy tư bản ở Anh. Trong công nghiệp, ngành dệt của Anh đã nhanh chóng chiếm được vị thế hàng đầu ở châu Âu đầu thế kỷ XVII với nhiều cải tiến kĩ thuật, tạo ra nguồn vốn lớn để quay vòng sản xuất, thúc đẩy sự hình thành các công trường thủ công lớn, tập trung và chuyên dịch cơ cấu sang những ngành công nghiệp nặng, sử dụng lao động tập trung với hệ thống máy móc ngày càng nhiều. Sản xuất trong nước đã đảm bảo một cách cơ bản những nhu cầu hàng hóa cần thiết trong thời gian có chiến tranh. Đây là khác biệt hoàn toàn với một Hà Lan sống dựa vào nguồn của cải thu được từ bên ngoài và không tạo dựng nguồn dự trữ cần thiết khi đất nước rơi vào tình trạng chiến tranh, nên dễ bị bao vây, cô lập. Sức mạnh kinh tế đó càng được củng cố bằng những biện pháp khác nhau như cướp bóc thuộc địa (Ireland, Scotland, Bắc Mỹ, Ấn Độ,...), buôn bán nô lệ, cướp biển, và đặc biệt là hoạt động ngoại thương. Sự giàu có của Anh không đến sớm như Hà Lan nhưng được đảm bảo bằng nhiều yếu tố khác nhau, có chiều sâu căn bản để tạo ra tính cân

bằng trong chiến tranh. Và có lẽ tiến hành chiến tranh cũng chính là một biện pháp giúp Anh giải quyết thêm việc làm cho người dân, thúc đẩy sản xuất công nghiệp trong nước (ngành đóng tàu, khai khoáng, chế tạo vũ khí) bên cạnh mục đích chính là tranh đoạt địa vị, phạm vi ảnh hưởng trong hệ thống thương mại thế giới.

Nhưng không vì thế mà có thể khẳng định rằng kinh tế Anh đảm bảo được đầy đủ những yếu tố thắng lợi trong chiến tranh với Hà Lan. Xuất phát muộn hơn trong việc mở rộng hoạt động thương mại, không có được sự bảo trợ cần thiết ở giai đoạn đầu, Anh gặp rất nhiều khó khăn khi bành trướng thế lực ở những khu vực thương mại trọng điểm. Điều đó được minh chứng cụ thể bằng thất bại trong việc cạnh tranh với Hà Lan tại công quốc Mátxcova cuối thế kỷ XVI hay tại Đông Nam Á hải đảo đầu thế kỷ XVII. Chính vì thế, Anh không thể so sánh với Hà Lan về sự giàu có, về khả năng tích trữ tư bản ở giai đoạn trước và trong khi chiến tranh nổ ra. Nghị viện Anh nhiều lần phải đắn đo, trì hoãn việc tăng nguồn kinh phí cho hạm đội hay các khoản phục vụ chiến tranh dù biết rằng nó sẽ đem lại lợi nhuận cho họ sau này. Tiêu biểu cho vấn đề này là sự kiện Nghị viện từ chối cung cấp cho Charels II số tiền 1.200.000 bảng năm 1673 để phục vụ cho chiến tranh lần III, khiến vị vua này phải cầu viện sự giúp đỡ của Pháp⁸. Trong nhiều trận hải chiến khác nhau ở cả ba cuộc chiến tranh, hải quân Anh đã không thể tối ưu hóa, cụ thể hóa những ưu điểm về tính hiện đại,

⁸ Alfred Thayer Mahan, sđd, p. 131.

cơ động, kỉ luật và chuyên nghiệp của mình so với hải quân Hà Lan bởi thiếu nguồn vốn cần thiết để củng cố hạm đội. Trong khi đó, Hà Lan sau thất bại trong cuộc chiến lần thứ nhất đã tiến hành nhiều cải cách quan trọng và đầu tư nhiều hơn vào hải quân. Đáng chú ý rằng việc Anh cướp bóc, chiếm đoạt hệ thống thương thuyền của Hà Lan, sau đó sửa chữa, tân trang để củng cố sức mạnh ngoại thương của mình là một minh chứng cho thấy sự thiếu thốn về tài chính khiến Anh gặp nhiều khó khăn khi muốn đóng những thuyền buôn lớn vượt đại dương⁹.

Như vậy, cả Anh và Hà Lan khi bước vào cuộc chiến ở nửa sau thế kỷ XVII đều có những lợi thế và khó khăn nhất định về kinh tế. Tuy nhiên, quốc gia nào đảm bảo được tính ổn định, cân bằng và không quá phụ thuộc vào yếu tố bên ngoài thì sẽ có được nhiều thuận lợi hơn trong chiến tranh và giành được những kết quả khả quan hơn.

2. Những vấn đề chính trị của Hà Lan và Anh

Nếu chỉ nhìn một cách khái quát tình hình hai nước trước và trong chiến tranh thì chúng ta có thể dễ dàng đưa ra nhận định Hà Lan có sự ổn định tương đối về chính trị so với nước Anh khi đó đang vương vẩn với nội chiến và quá trình chọn lựa thể chế chính trị.

Nhưng cũng giống như những yếu tố khác, mọi vấn đề đều có tính hai mặt, buộc ta phải đặt câu hỏi về lí giải thắng lợi cuối cùng của Anh trước Hà Lan.

Trước hết, xét một cách khái quát, Hà Lan là quốc gia tư bản đầu tiên trên thế giới với nhiều ưu thế vượt trội trong việc cạnh tranh địa vị cường quốc hàng hải. Chiến tranh giành độc lập trước thực dân Tây Ban Nha của nhân dân Vùng Đất thấp (Netherlands) đã thành công năm 1572 với sự ra đời của Liên hiệp 7 tỉnh phía Bắc Netherlands - về sau có tên chung là Hà Lan. Chính quyền mới được xây dựng trên nền tảng đại diện của giai cấp tư sản với những chính sách nhằm phục vụ cho sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa: Hoạt động thương mại không còn là công việc của riêng tư sản mà trở thành nhiệm vụ chung của cả quốc gia, là chính sách thường trực của nhà nước. Trong khi toàn bộ các quốc gia châu Âu khác còn đang đắm chìm với những rối ren của chế độ phong kiến thì mô hình nhà nước Cộng hòa Hà Lan – dù chưa thật hoàn chỉnh – chính là một bước đột phá mới, là điều kiện quan trọng giúp Hà Lan đạt đến giai đoạn hoàng kim nhất trong lịch sử của nó.

Tuy nhiên, mô hình “Cộng hòa” mà Hà Lan xây dựng vẫn còn ẩn chứa khá nhiều vấn đề khác nhau nhưng chưa có điều kiện bùng phát bởi những thuận lợi cả về chính trị lẫn phát triển kinh tế. Trước hết, nền cộng hòa tuy được xây dựng nhưng vẫn tồn tại “Quốc trưởng” – lãnh tụ tối cao, có quyền quyết định nhiều vấn đề quan trọng của đất nước -

⁹ Chỉ tính riêng cuộc chiến tranh lần I, Anh đã cướp của Hà Lan 1.200 thuyền và biển chiến tranh thành “công cuộc tái thiết nền thương mại Anh với những thuyền chèo hàng của Hà Lan (flyboats), dẫn theo David Ormrod, 2003, *The rise of Commercial Empires: England and Netherlands in the age of mercantilism, 1650-1770*, Cambridge university press, p. 276.

gây nên tình trạng tranh giành giữa các tỉnh. Bên cạnh đó, sự thống nhất của 7 tỉnh còn mang nhiều yếu tố lỏng lẻo; sự ràng buộc cũng như ý niệm về quyền lợi chung chưa cao. Mỗi tỉnh tuy đều có đại diện trong chính quyền trung ương nhưng lại có nền thương mại, hạm đội và chính sách phát triển riêng¹⁰. Điều đó dẫn đến việc luôn có những mâu thuẫn giữa các tỉnh trong việc phân chia quyền lực, khu vực ảnh hưởng và thị trường buôn bán. Và điều đó tất yếu dẫn đến tranh chấp lẫn nhau giữa các tỉnh, cụ thể là cuộc tranh giành ngôi vị “Quốc trưởng” năm 1650 hay một số tỉnh đã không cho hạm đội bảo vệ hệ thống thương thuyền ở Baltic, Địa Trung Hải mà tập trung bảo vệ chính lãnh hải của tỉnh đó trong cuộc chiến tranh lần thứ nhất với Anh. Sự thiếu tin tưởng nhau, suy tính thiệt hơn về quyền lợi cùng sự chênh lệch về điều kiện phát triển đã trở thành một nguyên nhân căn bản dẫn đến sự yếu kém của Hà Lan trong tương quan chính trị với Anh.

Nhìn sang Anh, chúng ta cũng bắt gặp những vấn đề khá tương đồng có ảnh hưởng đến cuộc chiến tranh nửa sau thế kỷ XVII. Trước hết, Anh cũng có nhiều thuận lợi bởi sự coi trọng thương mại và tăng cường vị thế cường quốc hàng hải đã trở thành mục tiêu tối quan trọng của nhà nước, chính phủ, nhân dân qua nhiều triều đại khác nhau và vẫn tiếp tục được củng cố mặc dù đất nước phải trải qua biến cố chính trị lớn. Các thương nhân Anh đã lần lượt đặt chân đến những thương

cảng quan trọng như Venice, Genoa, và nhiều cảng khác trên Địa Trung Hải. Khi Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha tiến hành phát kiến địa lý thì chính phủ Anh cũng tạo điều kiện cho các nhà thám hiểm thực hiện những chuyến đi khám phá vùng đất Labrador và Newfoundland. Mặc dù trong thế kỷ XVI, Anh là một quốc gia nông nghiệp nhưng nhà nước vẫn có những chính sách khuyến khích thương nghiệp. Năm 1563, 1571, nữ hoàng Elizabeth đã ban hành những điều luật về xuất cảng lúa mì và ngũ cốc với thuế suất là 1 siling/1 quarter (12,7 kg)¹¹ để kích thích hoạt động xuất khẩu. Đến cuối thế kỷ XVI, chính quyền còn đưa ra những sắc lệnh trực xuất các thương nhân Hanse và Venice để tạo điều kiện cho hoạt động buôn bán của thương nhân trong nước. Bên cạnh đó, các công ty thương mại như Muscovy company (1583), Venice company (1583), Levant company (1592) lần lượt được thành lập. Đặc biệt, sự ra đời của Công ty Đông Ấn “*vì danh dự quốc gia, vì sự thịnh vượng của thần dân, vì sự phát triển của ngành hàng hải, và vì đảm bảo tính hợp pháp cho những lợi nhuận đem lại sự giàu có cho thần dân*”¹² là sự kiên thể hiện tham vọng to lớn của chính quyền Anh trong việc tranh giành vị thế thương mại lúc đó.

Nhưng mặt khác, cuộc nội chiến kéo dài (1642-1648), sau đó là quá trình lựa chọn thể chế nhà nước cũng phần nào nói lên tính không ổn định và chia rẽ trong nội bộ nước

¹⁰ Clark G Reynolds, 1976, *Command of the Sea, the history and strategy of maritime empires*, Robert hale and company, Clerkenwell house, London, p.180.

¹¹ F la Pôlianxki, 1978, sdd, tr 60.

¹² William Hunter Wilson, 1899, *A history of British India*, Longmans, London, NewYork and Bombay, p 250.

Anh. Không thể phủ nhận việc phe Nghị viện và phe Nhà Vua gây chiến tranh trong một thời gian dài đã làm tổn thất nghiêm trọng đến sức mạnh chung, hao hụt về con người của nước Anh trước khi bước vào cuộc chiến với Hà Lan. Ngay cả khi Oliver Cromwell nắm chính quyền trong tay thì ông cũng phải đối phó với sự chống đối từ phe Bảo hoàng, từ những người thân cận, và thêm nữa phải bận tâm với cuộc chiến chinh phục Scotland và Ireland¹³. Sau đó, nước Anh lại ở vào giai đoạn phục hưng nền quân chủ chuyên chế, không có được sự đồng tình cao của Nghị viện và một bộ phận thương nhân khi tiến hành chiến tranh với Hà Lan. Ví dụ tiêu biểu cho sự thiếu nhất quán trong chính sách của Nhà nước chính là việc Nghị viện nhiều lần không đồng ý thông qua những khoản đầu tư tái cơ cấu, nâng cấp hạm đội và chuẩn bị đồ dự phòng trước khi bước vào cuộc chiến. Điều đó đã dẫn đến những thắng lợi “không đến nơi” của hải quân Anh trước hải quân Hà Lan trong nhiều trận hải chiến và mục đích cuối cùng của Anh cũng không thực hiện được trọn vẹn.

Như vậy, trước và trong ba cuộc chiến tranh Anh-Hà Lan, tương quan chính trị giữa hai nước đã có những ảnh hưởng, tác động

không nhỏ đến kết quả cuộc chiến. Mặt khác, nhìn sâu xa hơn, một câu hỏi đặt ra rằng. Liệu sự tương đồng về chế độ chính trị có phải là một trong những nguyên nhân dẫn đến chiến tranh Anh-Hà Lan? Khi mà Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha suy yếu, các quốc gia khác ở châu Âu vẫn tồn tại chế độ phong kiến với những mâu thuẫn nội bộ gay gắt thì việc hai quốc gia tư bản chủ nghĩa có đủ khả năng cạnh tranh địa vị hàng đầu về thương mại hàng hải xung đột với nhau được nhìn nhận như một tất yếu lịch sử. Trước hết, Hà Lan hùng mạnh và đang chiếm thế thượng phong trong nền thương mại thế giới không muốn đứng nhìn nước Anh ngày càng phát triển và thay thế ảnh hưởng của mình ở châu Âu cũng như những khu vực khác. Hà Lan cần có những hành động kiên quyết để duy trì sức mạnh và khả năng kiểm soát đối với những vùng trọng điểm thương mại đã có được từ cuối thế kỷ XVI, đầu thế kỷ XVII. Ngược lại, nước Anh tư bản muốn vươn lên tranh giành ảnh hưởng trên thị trường thế giới thì trước tiên phải loại trừ Hà Lan - kẻ cạnh tranh trực tiếp ở hầu hết mọi khu vực. Cả hai đều thấu rõ khả năng cạnh tranh của đối thủ, tương quan lực lượng giữa các quốc gia khác ở châu Âu và tự đánh giá được tiềm lực của mình trước khi bước vào cuộc chiến thương mại gay gắt này. Chỉ có một điều khác biệt ở đây là giới tư sản Anh đã chủ động hơn trong việc tuyên chiến mặc dù đang trải qua những ngày tháng đầy biến động trong nước bởi khát vọng cạnh tranh và chiếm đoạt thị trường thương mại đã trở thành nhu cầu bức xúc nhất của họ. Những thế lực lên cầm quyền sau nội chiến, dù thiết

¹³ Cuộc chiến tranh chinh phục Ireland (1649-1652) có thể coi là hành động đầu tiên mở rộng phạm vi ảnh hưởng của Anh trong hệ thống chính sách của Oliver Cromwell và chính phủ tư sản mới dù nguyên nhân trực tiếp là chống lại lực lượng Bảo hoàng. Cuộc chiến tranh xâm lược Scotland cũng diễn ra đồng thời để chống lại lực lượng của Charles II dưới sự bảo trợ của Hà Lan. Hai thắng lợi trên đã mở ra khả năng kiểm soát hoàn toàn khu vực Đại Tây Dương của Anh so với các quốc gia châu Âu khác.

lập chế độ Bảo hộ công hay phục hưng nền quân chủ chuyên chế, vẫn mang trọng trách lớn của quốc gia là thiết lập địa vị cường quốc trên trường quốc tế. Dưới sự hậu thuẫn của giới tư sản, những chính sách của Oliver Cromwell hay của Charles II, James II đều nhằm mục đích phục vụ sự phát triển của kinh tế tư bản chủ nghĩa. Vì vậy, chiến tranh với Hà Lan hay bất cứ quốc gia nào cạnh tranh với Anh đều trở thành một nhiệm vụ tất yếu mà lịch sử đặt ra cho nhà cầm quyền Anh giai đoạn cuối thế kỷ XVII. Chính vì thế, người Anh đã: Tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược và sáp nhập đối với Scotland, Ireland; Gây chiến tranh với Tây Ban Nha, Hà Lan và sau đó là Pháp; Từng bước mở rộng thế lực ở châu Âu và tìm cách không chế hệ thống thương mại thế giới.

3. Tương quan sức mạnh hải quân hai nước¹⁴

Nếu như kinh tế là cốt lõi, là cơ sở quan trọng nhất để đánh giá tiềm lực hai quốc gia trước khi bước vào cuộc chiến thì quân sự hay cụ thể hơn là tương quan lực lượng hải quân chính là hình thức biểu đạt rõ ràng nhất sức mạnh hai nước qua ba cuộc chiến tranh nửa sau thế kỷ XVII. Với những đặc điểm khác nhau trong định hướng xây dựng và phát triển, hải quân hai nước đều có những điểm mạnh riêng trong hoàn cảnh không nhiều quốc gia châu Âu có đủ khả năng cạnh tranh địa vị cường quốc hải quân. Nhưng trong từng hoàn cảnh cụ thể, quốc gia nào có

sức mạnh vượt trội hơn sẽ giành được thắng lợi quyết định và sẽ làm thay đổi tương quan lực lượng hai nước sau cuộc chiến. Và Anh là quốc gia đã có những chú trọng hơn hết trong vấn đề này với mục đích tối thượng là tranh đoạt địa vị cường quốc hàng hải trên trường quốc tế.

Trong những năm đầu thế kỷ XVII, Hà Lan đã vươn lên thay thế Tây Ban Nha, trở thành quốc gia có tiềm lực hải quân mạnh nhất thế giới. Năm 1614, hạm đội Hà Lan đã sử dụng nhiều thủy thủ hơn tổng các hạm đội Tây Ban Nha, Pháp, Anh và Scotland¹⁵. Không giống như thời kì lệ thuộc vào Tây Ban Nha, những chiến thuyền Hà Lan đã được trang bị ngày càng tối tân hơn. Những khẩu đại bác hai bên thân thuyền chính là cơ sở cho việc đảm bảo sức mạnh của hạm đội. Năm 1600, mỗi thuyền Hà Lan chỉ trang bị 38 khẩu đại bác, đến năm 1625 là 114 khẩu, năm 1650 là 70 khẩu¹⁶. Khả năng trang bị đó hơn hẳn so với Anh, Pháp hay bất cứ một quốc gia nào nằm trong nhóm có thể cạnh tranh địa vị cường quốc hàng hải. Đặc biệt, năm 1625, trang bị đại bác của hạm đội Hà Lan gấp Pháp gần 8 lần (15 khẩu), gấp Anh gần 3 lần (40 khẩu)¹⁷. Hà Lan đã vươn cánh tay của mình đến vùng Baltic (bao gồm cả Thụy Điển và Đan Mạch), khám phá vùng

¹⁵ Michel Beaud, sdd, tr. 58.

¹⁶ Philippe Contamine, 2002, *War and competition between states, European science foundation, Clarendon press*, p. 71.

¹⁷ Patrick Karl O'Brien, Xavier Duran, 2010, *Total factor productivity for the Royal navy from victory at Texel (1653) to triumph at Trafalgar (1805)*, WP 134/10, Department of economic history, London school of economics, p. 8.

¹⁴ Xem thêm: Trần Ngọc Dũng, *Sự thay đổi tương quan lực lượng hải quân giữa Anh và Hà Lan nửa sau thế kỷ XVII*, Tạp chí Nghiên cứu Châu Âu, tr 58-70, số 8 (143), 2012.

lật mới Bắc Mỹ (giữa vùng đất New England và Virginia), những quần đảo thuộc Caribbean, Guiana, dọc bờ biển Brazil, mũi Đảo Vọng cũng như kiểm soát con đường hương mại sang Viễn Đông, và gạt bỏ ảnh hưởng của Bồ Đào Nha tại khu vực này¹⁸

Tuy nhiên, khi bước sang nửa sau thế kỷ XVII, sự vượt trội của Hà Lan đã không được cụ thể hóa và không tạo được sức bật rước những thay đổi quan trọng của hải quân Anh. Sự chia rẽ nội bộ, thiếu chiến lược trong phát triển lực lượng và thiếu khác biệt giữa tàu chiến so với thuyền buôn chính là nguyên nhân dẫn đến những kết quả nghèo nàn trong chiến tranh với Anh. Hải quân Hà Lan hoàn toàn nằm dưới sự chỉ huy của nhóm 5 đô đốc: Rotterdam, Amsterdam, Bắc Hà Lan, Zeeland và Friesland¹⁹ nên gây ra những mâu thuẫn lớn giữa các tỉnh. Mặt khác, tàu chiến *không được thiết kế mạnh mẽ và tốt như của Anh*²⁰, không được bọc sắt, thường công kênh như thuyền buôn nên khá hạn chế trong chiến đấu. Chính vì thế, hải quân Hà Lan đã suy yếu nhanh chóng ở giai đoạn sau, phải chấp nhận nhường vị thế hàng đầu cho Anh.

Ở chiều hướng ngược lại, hải quân Anh ngày càng có những tiến bộ rõ rệt cùng sự quan tâm đúng mức của Chính phủ, đặc biệt

với hệ thống chính sách của Oliver Cromwell. Ông đã cử những vị tướng tài như Monck, Deane và Robert Blake – những người có kinh nghiệm và tài năng chứ không phải là dòng dõi quý tộc – chỉ huy hải quân nhằm biến lực lượng này thực sự trở thành chuyên nghiệp, nòng cốt của quân đội. Các xưởng đóng tàu được lập ra ở những nơi thuận lợi: Chatham, Deptford, Portsmouth, Woolwich với số lượng công nhân khoảng 1.000 – 2.000 người²¹, và đóng mới được 41 tàu chiến chỉ trong vòng 2 năm 1649 – 1651²², cùng cố thêm khả năng xây dựng hạm đội hùng mạnh hơn các quốc gia khác. Năm 1649, Nghị viện Anh quyết định đóng một loạt các tàu rộng, sức chiến đấu cao (có thể mang hơn 20 đại bác – đến năm 1654 là 56 đại bác; ba cột buồm lớn được thiết kế với độ dài 120-210 feet, chiều ngang 30-60 feet giúp thuyền di chuyển nhanh)²³. Anh cũng sử dụng những tàu chiến nhỏ, linh hoạt và trang bị hiện đại, có tốc độ, khả năng chiến đấu cao. Những sĩ quan hải quân Pháp đã phải thốt lên trước sức mạnh của hải quân Anh rằng: “...Tàu (Anh – T.N.D chủ thích) được trang bị rất đặc biệt... Nó được coi là biện pháp hiệu quả cho việc thay thế những con tàu cũ kỹ và chậm chạp”²⁴. Việc trang bị hệ thống vũ khí ngày càng hiện đại cho hạm đội, đặc biệt là đại bác đã tạo nên một diện

¹⁸ Clark G Reynolds, sdd, p. 174.

¹⁹ Jan Glete, 2001, *The Dutch navy. Dutch state formation and the rise of Dutch maritime supremacy*, Paper for the Anglo-American conference for historians: The Sea, University of London, p. 5.

²⁰ Sheila Alica Clifford, 1993, *An analysis of the port royal shipwreck and its role in the maritime history of seventeenth century*, Port Royal, Jamaica, MA, Texas A&M university, p. 26.

²¹ Philippe Contamine, sdd, p. 88-89.

²² Clark G Reynolds, sdd, p. 179.

²³ Jonathan R Dull, 2009, *The age of the ship of the line: the British and French navies, 1650 – 1815*, University of Nebraska press, p. 1-2.

²⁴ Alfred Thayer Mahan, 1889, *The influence of sea power upon history, 1660 – 1783*, Little, Brown and company, Boston, p. 93.

mạo hoàn toàn mới cho hải quân Anh: “*Những con tàu đã đạt tới tầm cao của sự quan trọng, ... khi pháo hải quân trở nên hoàn hảo hơn về độ bắn, tính chuẩn xác và nhanh hơn, khi những thuyền chiến tốt hơn, được thiết kế mới, sự mở rộng và cân bằng của sức mạnh hải quân sẽ được tạo ra*”²⁵ và đó chính là cơ sở cho những thắng lợi của Anh trước kẻ thù trực tiếp Hà Lan. Sức mạnh cùng tham vọng to lớn của hải quân đã giúp chính phủ Anh mạnh dạn đưa ra những chính sách mang tính khiêu khích như Đạo luật Hộ tống (1650), Đạo luật Hàng hải lần 1 (1651)²⁶, khơi mào cuộc chiến tranh thương mại Anh – Hà Lan. Ba cuộc chiến tranh diễn ra đúng vào thời điểm hải quân Anh đang có những bước tiến rõ rệt, còn hải quân Hà Lan vẫn giữ được những lợi thế tương đối nên xung đột đã diễn ra vô cùng gay gắt. Hơn nữa, việc cả hai bên đều sử dụng nhiều vũ khí hiện đại cũng dẫn đến những tổn thất nặng nề cho cả hai phía, và trong nhiều

trường hợp, sự phân định thắng-thua không quá rõ ràng và bị chi phối bởi những yếu tố khác ngoài quân sự. Nhưng nhìn tổng thể, sức mạnh đang lên đã giúp Anh chiếm được nhiều ưu thế và kết thúc ba cuộc chiến tranh với sự thỏa mãn nhất định những mục tiêu về thị trường thương mại, thuộc địa mà giới cầm quyền đã đặt ra.

III. Kết luận

Ba lần chiến tranh thương mại Anh – Hà Lan nửa sau thế kỷ XVII đã nổ ra và kết thúc với thắng lợi chung của Anh là minh chứng rõ nét cho tương quan tiềm lực hai nước có phần nghiêng về phía Anh. Những vấn đề thuộc về phạm trù kinh tế, chính trị, quân sự nêu trên đã tạo ra mối gắn kết chặt chẽ, và được xem xét một cách toàn diện, thống nhất khi đánh giá tương quan lực lượng hai nước. Chính vì lẽ đó, bên giành được thắng lợi chính là thế lực hội đủ những yếu tố cần thiết nhất cho sự phát triển chung của quốc gia chứ không chỉ cho việc giành thắng lợi trong một cuộc chiến tranh cụ thể nào đó. Qua đó, tác giả cho rằng việc đánh giá tiềm lực hay địa vị cường quốc của bất cứ quốc gia nào cũng phải dựa trên sự xem xét tổng hòa các yếu tố kinh tế, chính trị, quân sự, xã hội. Thắng lợi của Anh trước Hà Lan ở nửa sau thế kỷ XVII đã chứng tỏ quốc gia này đang từng bước hội tụ đầy đủ những yếu tố để làm nên một cường quốc thế giới và đó cũng là sự báo hiệu rõ nét về sức mạnh tổng hợp của Anh trong việc khẳng định bá quyền trên thế giới trong những thế kỷ sau.

²⁵ Alfred Thayer Mahan, *sđđ*, p. 96.

²⁶ *Đạo luật Hộ tống* cho phép chính phủ Anh can thiệp vào công việc thương mại nhằm bảo đảm an toàn cho những chuyến hàng. *Đạo luật Hàng hải* quy định không một hàng hóa nào từ châu Á, châu Phi, châu Mỹ hay bất cứ quốc gia nào ở châu Âu được nhập khẩu vào Anh, trừ những hàng hóa được chuyển chở trên tàu của Anh hay được sản xuất ra ở các thuộc địa của Anh. Các thuyền chuyên chở phải có ¼ là thủy thủ người Anh, ngoại trừ trường hợp những sản phẩm được nhập khẩu trực tiếp từ chính nơi xuất xứ ở châu Âu. Đối với ngành đánh bắt cá mòi, chỉ được đưa vào Anh và các thuộc địa loại cá được đánh bắt bởi thuyền của Anh và việc xuất khẩu cá cũng chỉ được thực hiện bằng thuyền của Anh, dẫn theo: William Russell, 1822, *History of modern Europe*, vol III, Philadelphia printed and published, p. 212.